KẾT QUẢ KINH DOANH

Ngày 31/12/2024	40,550 VNĐ		
Thay đổi	*1 tháng*	*3 tháng*	*6 tháng*
	1.4%	-0.7%	0.4%

2024

DT thuần **189,068** *tỷ VNĐ*

YoY ▲ 27,640 ▲ 17.1%

2024

LN gộp **27,301** *tỷ VNĐ*

YoY ▲ 3,793 ▲ 16.1%

2024

LN thuần **11,665** *tỷ VNĐ*

YoY ▲ 16,570 ▲ 338%

2024

LN sau thuế **5,276** *tỷ VNĐ*

YoY ▲ 3,220 ▲ 157%

2024

ROE **7.9%**

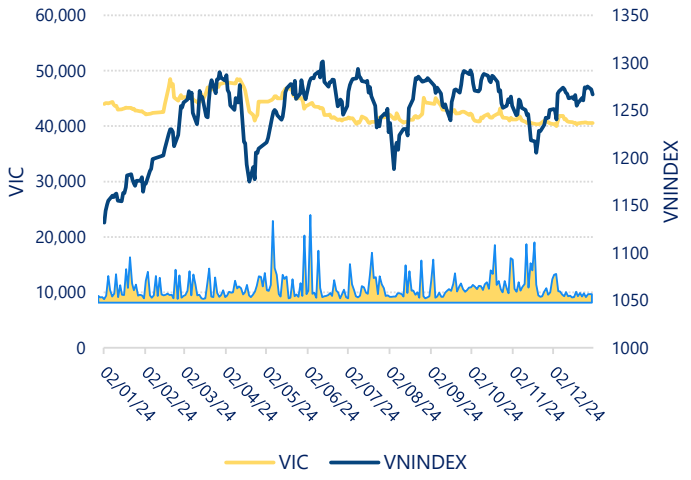
+/- YoY ▲ 6.4%

2024

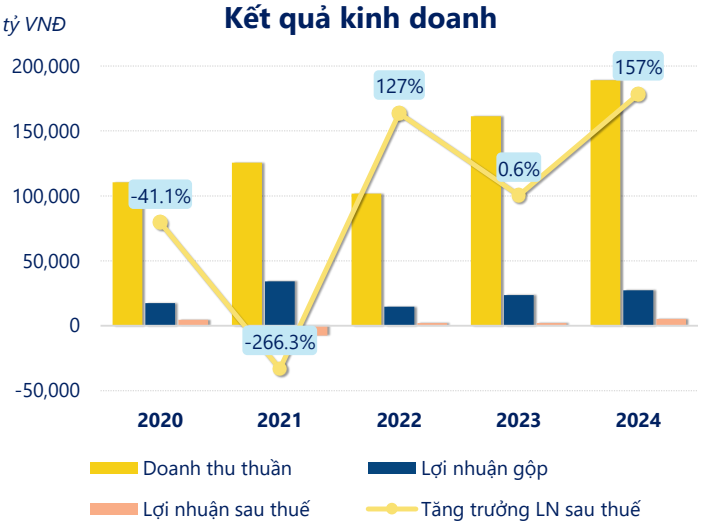
ROA **1.6%**

+/- YoY ▲ 1.2%

Lịch sử giá

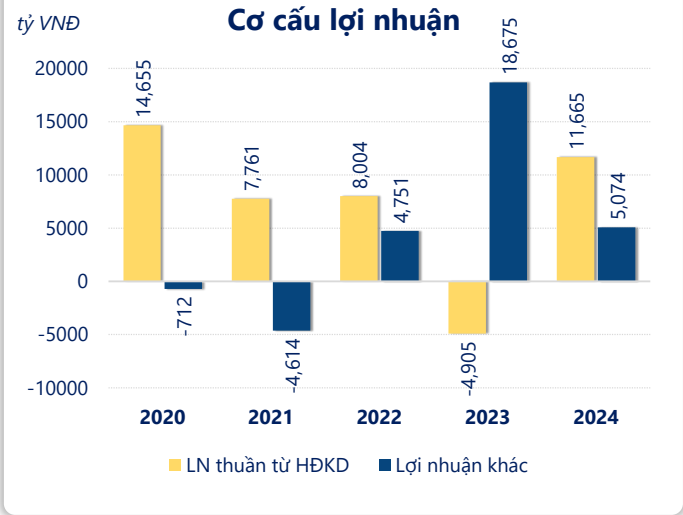


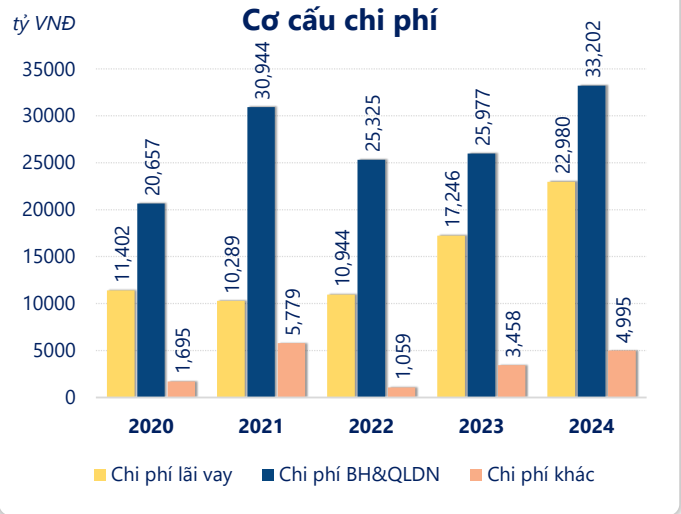
Kết quả kinh doanh



Kết quả kinh doanh **VIC** năm **2024**, doanh thu thuần **tăng mạnh 17.1%** đạt **189,068** tỷ đồng, lợi nhuận sau thuế **tăng mạnh 157%** đạt **5,276** tỷ đồng.

Công ty có sự tăng trưởng về doanh thu và lợi nhuận, với **ROE** đạt **7.88%**. Là một tín hiệu tích cực về hoạt động kinh doanh, tuy nhiên công ty cần cải thiện hiệu quả hoạt động tốt hơn.

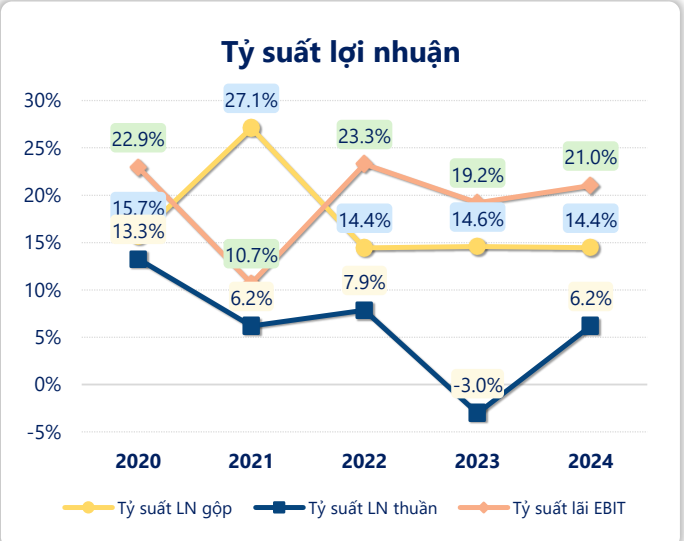


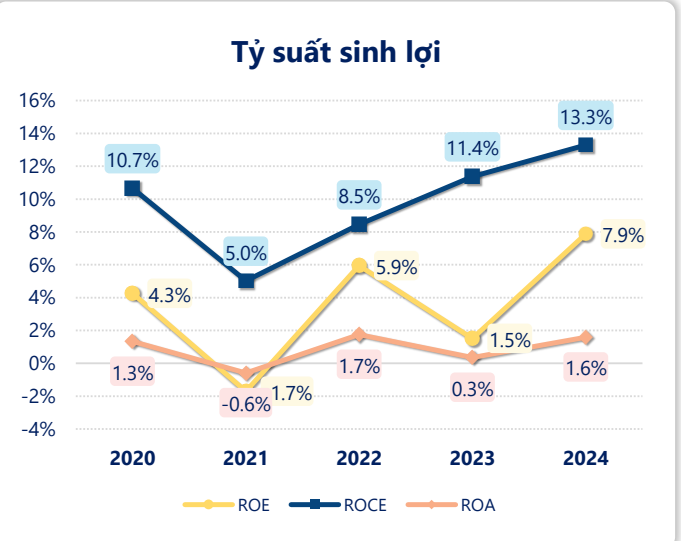


Năm **2024**, **VIC** có **lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh** đạt **11,665** tỷ đồng, **tăng lên 16,570** tỷ so với năm trước. Và cao hơn mức bình quân lợi nhuận thuần 5 năm (7,436 tỷ đồng) là 4,229 tỷ đồng. Cho thấy xu hướng tích cực từ hoạt động kinh doanh khi có sự phục hồi trong những năm gần đây.

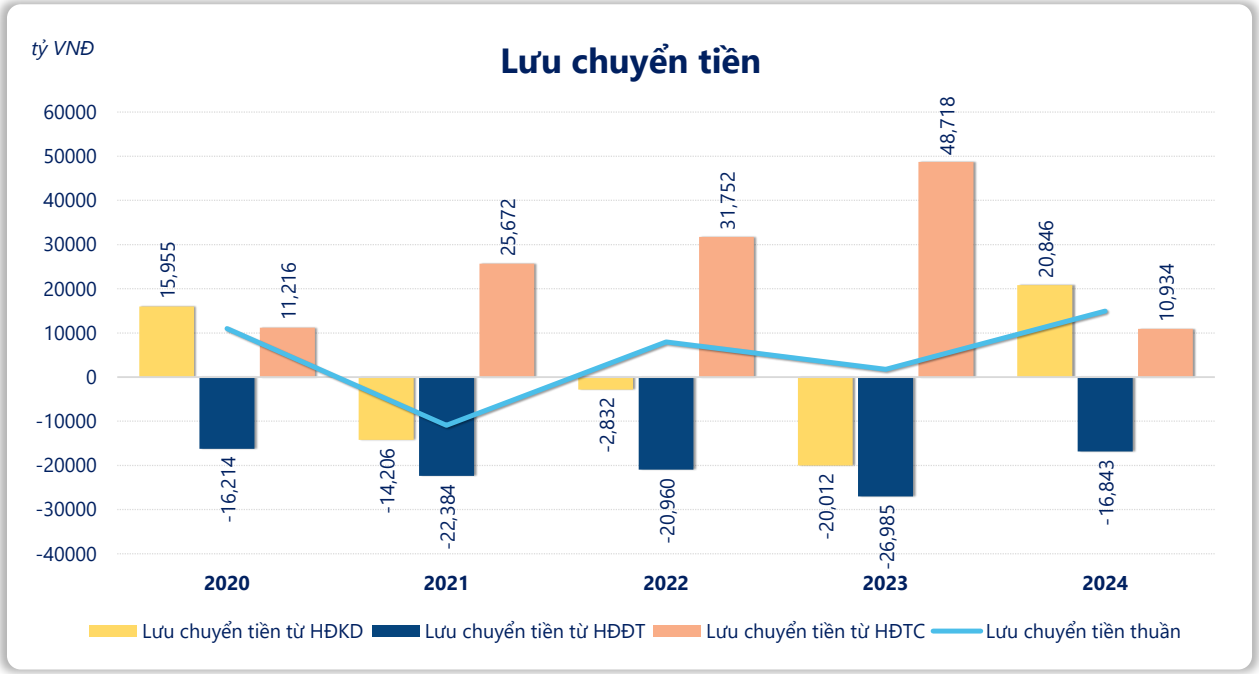
Chi phí lãi vay tăng lên so với năm trước, ở mức **22,980** tỷ đồng. Cùng với đó **chi phí bán hàng và quản lý doanh nghiệp** cũng **tăng lên**, ở mức **33,202** tỷ đồng. Bên cạnh đó, **chi phí khác** bằng **4,995** tỷ đồng, **tăng lên** so với năm trước.

ROE của VIC năm 2024 **tăng trưởng** so với năm trước đạt giá trị bằng **7.88%**, đây là mức ROE **cao nhất** trong vòng 5 năm gần đây.





KẾT QUẢ KINH DOANH (tỷ VNĐ)	2020	2021	2022	2023	2024
Doanh thu thuần	**110,490**	**125,688**	**101,794**	**161,428**	**189,068**
Giá vốn hàng bán	93,177	91,623	87,100	137,919	161,767
Lợi nhuận gộp	**17,313**	**34,065**	**14,694**	**23,508**	**27,301**
Doanh thu HĐTC	31,068	16,046	33,048	20,502	47,925
Chi phí TC	12,805	11,364	14,326	22,841	31,208
Chi phí lãi vay	**11,402**	**10,289**	**10,944**	**17,246**	**22,980**
LN trong công ty LKLD	-265	-41.7	-86.5	-97.8	849
Chi phí bán hàng	7,254	6,910	9,371	12,514	18,054
Chi phí QLDN	13,403	24,034	15,954	13,463	15,148
LN thuần từ HĐKD	**14,655**	**7,761**	**8,004**	**-4,905**	**11,665**
Lợi nhuận khác	-712	-4,614	4,751	18,675	5,074
LN trước thuế	**13,943**	**3,146**	**12,756**	**13,769**	**16,739**
Lợi nhuận sau thuế	**4,546**	**-7,558**	**2,044**	**2,056**	**5,276**
LNST của CĐ cty mẹ	**5,465**	**-2,514**	**8,782**	**2,157**	**11,903**



Lưu chuyển tiền thuần năm 2024 của VIC bằng **14,938** tỷ đồng, **tăng** so với năm 2023 (1,721 tỷ đồng). Trong đó, lưu chuyển tiền từ **hoạt động kinh doanh** bằng **20,846** tỷ đồng, từ **hoạt động đầu tư** là **-16,843** tỷ đồng và từ **hoạt động tài chính** là **10,934** tỷ đồng.